

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^{er} VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ. N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm: Nguyễn-năng-Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý: Cung-đỉnh-Bính

Chánh chủ-bút: Phan-chung-Thứ
Sư cụ chùa Bàng-ở
Phó chủ bút: Dương-vân-Hiền
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIA BAO: Cả năm 1\$50 Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

CUỘC XỔ SỐ ĐÔNG-DƯƠNG

Hồi 6 giờ chiều hôm mồng 4 Octobre, hội cựu chiến binh (Hanoi) đã mở số Đông-dương bộ D kỷ phát hành thứ ba. Kỳ này mở cả hạ số trúng lớn chung cho bốn bộ A. B. C. và D.

Các số trúng như sau đây

88 95 27 Trúng 10 đồng

Các vé có 3 con số sau cùng là

025 868 887 633 Trúng 15 đồng

Các vé có các con số sau cùng là:

380 Trúng 20 đồng

Các vé có các con số sau cùng là:

9572 6500 9586 6102 7966 Trúng 50 đồng

Các vé có các con số sau cùng là:

7738 Trúng 100 đồng

Các vé có các con số sau cùng là

083.799 180 630 003.482 255.821 291.622

243.319 224.280 003.586 194.436 214 577

Trúng 500 đồng

Các vé số:

277.779 211.641 297.585 078.131 014.455

Trúng 1.000 đồng

Vé số:

133.054 Trúng 10.000 đồng

Số 035.827 (Série B) Trúng 15 000 đồng

(Các vé nào cùng số này nhưng ở các série A C và D đều trúng số an ủi 50 đồng)

Số 183 883 (Série B) Trúng 25.000 đồng

(Các vé nào cùng số này nhưng ở série bộ C D đều trúng số an ủi 100 đồng)

Trúng 100.000 đồng

133.031 Série B

(Các vé nào ở các série A B C cùng số này đều trúng số an ủi 500 đồng)

NHÃN-NHỤC

Hôm nay chúng tôi xin nói về đức tính nhĩn-nhục, bài này chúng tôi xin chia làm ba đoạn.

- 1.) Thế nào là nhĩn-nhục,
- 2.) Lợi ích của nhĩn-nhục,
- 3.) Phương-pháp thực-hành nhĩn-nhục,

1.) Thế nào là nhĩn-nhục

Nhĩn-nhục là một đức tính rất nhiệm-mầu để đối-trị lại tình sân-khố. Nhĩn nghĩa là nhĩn; nhĩn ăn nhĩn mặc cũng gọi là nhĩn, chịu được nóng rét, dầu sương tuyết cũng gọi là nhĩn.

Nhục là nhục nhẽ như nhuộm, những sự bị đánh đập bị chửi rủa mắng nhiếc như thế gọi là nhục. Phú cô có câu «Đường danh lợi vinh kia mà nhục đó» Vậy chữ nhục là tiếng trái lại với chữ vinh.

Nhĩn-nhục là chịu sự nhục nhẽ, gắng chịu những điều sỉ nhục, những hoàn-cảnh trái ngược với thân tâm mình. Ví dụ như một người có quyền thế đánh đập một người thường dân, người thường dân kia bắt buộc mình phải nhĩn sự nhục ấy, vì không có đủ quyền thế mà chống cự lại, như vậy là vì địa-vị thấp hèn mà phải nhĩn; kẻ bần hàn không có tiền tài ruộng vườn nên phải nhĩn sự sàm ăn sàm mặc, như vậy là vì nghèo nàn mà phải nhĩn, vì hoàn cảnh mà phải nhĩn, vì tình thế bức bách mà phải nhĩn, cho nên trong lòng còn bị khổ não, vì còn lòng sân-hận, nhân đó mà sinh ra oán thù, như thế không phải là nhĩn nhục được.

Vì thương đời lắm lạc mà nhĩn sự nhục, vì tu đạo để cầu quả Phật mà nhĩn sự nhục, vì tế-thể độ-sinh mà

nhân sự nhục, vui vẻ mà chịu sự nhục, chịu sự đau khổ đến thân tâm mình không hề oán hận. Trong khi cầu pháp phải nhẫn mà chịu những sự nắng nui, phải nhẫn mà chịu những sự nóng rét và đói khát, phải nhẫn tùy theo Hòa-thượng, A-sà-lê mà thừa hành công việc; nhân được sự nhục mà tâm vẫn vui vẻ, nhân được sự nhục mà lòng vẫn không căm hờn, nhẫn như thế mới gọi là thiện-pháp. Nhẫn đến khi mình không còn nhận thấy sự người ta đánh chém chửi mắng mình; nhẫn đến khi mình không còn phân biệt nhục vinh nữa, nhẫn mà không biết mình là nhẫn, ấy mới là nhẫn-nhục cứu-kinh.

2.) Lợi ích của nhẫn-nhục

Tục ngữ có câu: « chữ nhẫn là chữ tương vàng ». Vậy chắc nhẫn nhục lợi ích đến như thế nào nên cổ nhân mới nói như vậy.

Đã nhẫn thì không oán, đã không oán thì không gây nên phiền-não, đã không có phiền-não tức là đã được an lạc vui vẻ, người vui vẻ ai trông thấy mà chẳng kính yêu.

Trong gia-đình vợ nhẫn chồng, chồng nhẫn vợ, cả gia đình ấy lúc nào cũng vui vẻ, không đánh nhau và cãi nhau, làm ăn được thịnh-vượng, ấy là một gia-đình chứa chan hạnh-phúc.

Ngoài xã-hội, người thực hành được nhẫn-nhục sẽ tránh được mọi sự tranh-đấu và thù oán, mọi người kính yêu.

Lòng sân-khủe hại biết chừng nào! mỗi một khi nó phát ra thì tổn hại mất thiện-căn đã tích gổc từ muôn ngàn ức kiếp. Đã sân thì không trì được giới, đã không trì được giới thì không làm được pháp thiện, tức là không có từ-bi, đã không có lòng từ-bi thì không có nhân thành Phật. Vậy nhẫn-nhục là cái nhân thành Phật rất chóng. Phật nói rằng: « Bồ-lát hành được từ nhẫn sẽ được nhiều lợi ích, như lửa không thể nào đốt được thân tâm mình, gươm dao không thể nào chém

đứt được da thịt mình, không bị đầu độc, không bị nước trời, thân tướng trang-nghiêm, mọi người kính yêu, thân tâm lúc nào cũng được vui vẻ.

Chúng ta đã biết được lợi ích của nhân-nhục như thế lẽ nào ta lại không chịu thực-hành hay sao?

3. — Phương-pháp thực-hành nhân-nhục

Trên kia chúng tôi đã lược qua thế nào là nhân-nhục và lợi ích của nhân-nhục như thế nào rồi, nhưng muốn thực hành nhân-nhục cần phải biết phương pháp thì mới được hoàn-toàn lợi ích. Phương-pháp thực hành nhân-nhục kể thì nhiều lắm, nhưng đại khái cũng không ngoài tám lòng từ-bi, tin nghiệp báo và quán thân vô-ngã.

Người tu đạo mà nhất là đệ-tử của Phật lúc nào cũng phải giữ mỗi từ tâm, đối với hết thầy mọi người chẳng kể chỉ là oán hay thân, coi hết thầy mọi người như cha mẹ, anh em quyến thuộc của mình, cũng lại nên tự coi mình như một người mẹ hiền thương con thơ dại. Đã coi hết thầy mọi người xung quanh mình là cha mẹ anh em, hoặc là con cháu ta thì làm gì còn phải sân-hận nữa. Dù họ chỉ mắng đánh đập ta hay dè nén giết-giác ta, ta cũng chỉ nên giữ lấy tấm lòng lành thương kẻ đó làm lạc mà thôi. Chẳng những thế ta lại nên tự trách lấy ta vì sao ta bị đói rét, bị đau khổ, bị người sỉ vả đánh đập ta? Ta phải nên tự nghĩ rằng: ấy là cũng bởi nổi tự ta gây nên, ấy cũng là vì tiền oan nghiệp-chướng của ta, nhờ có dịp này mà ta trở được nghiệp cũ. Như vậy chẳng những ta không nên giận dữ căm hờn, chẳng những ta phải nhả sự nhục mà thôi, ta lại phải biết cảm ơn và cầu nguyện cho kẻ đó chóng thành Phật nữa.

Vả lại cái sắc thân vô-thường biến hoại của chúng ta đây do nhân-duyên hợp lại mà thành, không phải là thực có, đã không có thân thì làm gì còn có chỗ bị khổ bị nhục, đã không có thân, gươm dao chém vào đâu? ai bị đánh đập? ai bị mắng chửi nữa? Còn cái chân-ngã của chúng ta thì lại đồng với cái ngã của Phật

rồi, còn đâu sự vật gì mà chày độn được nó mà ta phải sán-hận làm chi cho gây thêm phiền-não xấu-xa.

Bồ-tát thường nói rằng: «Kẻ nào ngang bướng với ta ta cũng vui lòng mà chịu, gặp kẻ đánh ta mắng nhiếc ta hay giết ta, đối với ta chỉ coi những kẻ đó ta làm cho ta chóng tiêu sạch được nghiệp chướng, khiến cho ta được cái nhân-duyên chóng thành Phật».

Ấy Bồ-tát vì đã hiểu được bần-phận của mình là phải cứu vớt người trầm luân nên thường đem lòng từ-bi mà tưới khắp cho mọi kẻ, dù kẻ đó thường mưu hại Bồ-tát chẳng nữa.

Phật dạy: «Kẻ ác nghe thấy người làm thiện cho nên mới đến quấy nhiễu, vậy người hãy tự nên răn cấm người không nên giận dữ cầu gắt họ, họ đem lòng ác tới nhiều mình ấy là họ ác với họ đó».

Có kẻ nghe thấy Phật giữ trọn đạo làm những việc nhân-từ lớn lao, kẻ đó đến nhiếc mắng Phật thẹn ^l Phật lặng yên không nói gì, khi kẻ kia nhiếc chán rồi Phật mới hỏi rằng: «Thi dụ anh đem đồ lễ gì cho ai, nếu người ta không nhận thì anh lại đem về chứ» Kẻ kia đáp: «Phải, nếu họ không nhận tôi lại mang về», Phật lại nói rằng: «Ừ phải lắm, vậy anh vừa nhiếc tôi, nay tôi không nhận lễ là anh tự rước lấy cái hại vào thân anh đó, việc ấy như vang theo tiếng, bóng theo hình, không thể nào lánh thoát được, anh phải cẩn thận từ nay đừng có làm ác nữa».

Ấy, kẻ ác hại người thiện cũng như ngựa mất lên trời mà nhỏ, nhỏ chẳng đến trời lại rơi xuống mặt mình. Như vậy thì cần gì ta phải sán hận đối với những kẻ hại ta, trái lại ta cần phải vui vẻ mà nhịn má đem lòng thương xót tìm cách cứu vớt cho kẻ đó.

Phật dạy rằng: «Lấy oán diệt oán không được đâu, phải lấy lòng nhân mà diệt nó mới được» Phải làm, nếu lấy oán mà diệt oán thì cái oán ấy nó lại chùng chắt mãi lên biết bao giờ hết, vậy phải dùng sức khỏe

của nhân-nhục và lòng từ-bi thì mới có thể trừ diệt được mầm giống cái oán kia, nếu không thì cứ oan oan tương báo mãi.

Khi Phật sắp vào Niết-bàn, Ngài có di-chức cho các đệ-tử rằng : «Tỷ-khiêu các người ơi ! nếu có kẻ nào đến phan thanh thấy sả thịt các người, các người phải tự thu nhiếp thân tâm lại, đừng có tức giận, phải giữ cả miệng chớ có nói ác, nếu các người phóng túng cái lòng cầu giận kia ra thì tự nhiên hại đạo, mất cả công-dức. Cái đức nhân-nhục hơn cả tri-giới và khổ-hạnh. Làm được đức nhân mới có thể gọi là bậc Đại-nhân có lực lượng. Nếu các người không vui vẻ mà chịu nhịn, coi sự chửi rửa dộc ác kia như uống nước cam-lộ thì không thể nào gọi là người có tri-tuệ vào đạo được. Tại sao thế ? vì cái hại cầu giận phá tan mất các pháp hay tiếng tốt, đời này kiếp sau, không ai muốn trông thấy mặt nữa, nên biết lòng giận tộ hơn lửa mạnh, phải phòng giữ luôn đừng để nó tràn vào cướp mất hết công-dức, thực không gì tộ bằng cầu giận. Tại gia còn lắm sự ham muốn không có pháp tự cấm chế lấy mình thì cái tội cầu giận kia còn có thể trừ đi được. Xuất-gia hành đạo, là người không ham muốn gì mà còn mang lòng cầu giận thì thực là không nên lắm, vì như trong khoảng mây xanh biếc mà lại có chớp có sét thì thực là trái ngược lắm ».

Xem lời Phật dạy thì ta đủ biết đức tính nhân-nhục rất cần cho người học đạo biết chừng nào, mà cái phương-pháp thực hành nhân-nhục lại phải cốt ở lòng từ-bi, vì sự cầu đạo, vì bốn phận phải cứu-thế độ-sinh, nếu không có mục đích ấy, dù có nhân được sự nhục chẳng qua cũng chỉ là hèn mặt vì không đủ quyền thế không đủ phương pháp để đối trị lại cái nhục kia đó thôi.

Xưa kia có một đệ-tử của Phật là Purna muốn sang truyền đạo ở xứ Cronaparantakas, Phật nói rằng : «Này Purna, người xứ đó hung ác, ăn nói cực cần lắm, nếu con sang đó họ ăn nói cực cần mà chửi rửa con thì con nghĩ thế nào ?

— Bạch đức Thế-tôn, nếu họ ăn nói cực cần và chữ rửa con, con sẽ nghĩ như thế này: Người thợ này rất tốt họ hiền lương lắm, nên họ chỉ dùng những câu chữ rửa vì ăn nói cực cần với con, chứ họ không lấy tay đánh con, không lấy đá ném con.

— Nay Purna ! Họ hung ác lắm, nếu họ lấy tay đánh con, lấy đá ném con thì con nghĩ thế nào ?

— Bạch đức Thế-tôn, nếu họ lấy tay đánh con thì con sẽ nghĩ như thế này : người thợ này rất tốt, họ hiền-lương lắm vì họ chỉ lấy tay đánh con, lấy đá ném con, chứ họ không lấy gươm dao mà đâm chém con.

— Nay Purna ! Họ hung ác lắm, nếu họ lấy gươm dao mà đâm chém con thì con nghĩ như thế nào ?

— Bạch đức Thế-tôn ! nếu họ lấy gươm dao mà đâm chém con, con lại nghĩ như thế này : người thợ này rất tốt, họ hiền lương lắm, nên họ chỉ dùng gươm dao mà đâm chém con chứ họ không giết con đến chết.

— Nay Purna ! Họ hung ác lắm, nếu họ giết chết mệnh con thì con nghĩ như thế nào ?

— Bạch đức Thế-tôn ! Nếu họ giết chết mệnh con, con sẽ lại nghĩ như thế này: người thợ này rất tốt, họ hiền lương lắm, nhờ họ mà con thoát được cái thân vô-thường cái sắc thân xấu xa ô uế này, mà chớ cảnh Niết-bàn.

Nay Purna, thực hay lắm thay, con đã được cái nhẫn-nhục cứu-kinh lắm rồi, con có thể sang truyền đạo ở thợ đó, ta cho phép con đi, Con đã được giải-thoát, con nên giải-thoát cho người, con đã được hưởng thú Niết-bàn, con nên dắt người cùng hưởng

Xem như câu truyện trên đây, chúng ta phải biết rằng muốn thực hành được nhẫn-nhục thì cần phải có lòng từ-bi và tin nghiệp-báo, lòng vì đạo muốn cứu-thế độ-sinh, nếu không có những tâm lòng đó thì dù có nhẫn-nhục chẳng nữa cũng chỉ vì hèn nhát ngu dại mà nhẫn đó thôi, Nhẫn như vậy chẳng những không có ích gì cho

đạo pháp mà lại thiệt hại đến thân mệnh mình nữa. Vì vậy Phật nói rằng: «Nhìn những điều người ta không nhìn được, dong những điều người ta không dong được, chỉ có bậc Đại-lượng-vô-hu, có đại-hùng, đại-đức, đại-bi, mới có thể được như thế.

Ta lại xem ngay như Ngái Quán-thế-âm bồ-tát khi hóa-sinh làm bà Thị-kính bên Cao ly. Bà bị cái oan là gái giết chồng, nên phải xa chồng, rồi trá hình làm tướng nam nhi vào chùa tu cùng với tăng-chúng, chẳng may lại bị gái giang hồ vu oan cho chú tiểu-dồng tu-tĩnh với nó mà sinh ra một đứa bé con, nên Tăng chúng và dân làng họ sợ hãi chẳng nhể xấu xa, bắt bà phải nuôi đứa bé con đó và đuổi ra ở cửa Tam-quan. Bà một thân một mình với đứa hái-nhi chịu mọi nỗi lán-loạn, gió táp sương xa, khi đi xin sữa, khi về ru con, thế mà Bà vẫn không hề tỏ nỗi oan cho một ai biết. Đến khi Bà tịch mới biết bà thực là đạo thơ liễu yếu, vì chồng mà chịu nỗi oan, lại còn vì cái gái dâm vu oan kia mà chịu khổ nhục thay. Tấm gương nhân-nhục như vậy, cao-thượng quý hóa biết nhường nào !

Ấy nhân nhục như thế cũng chỉ là vì sự cầu đạo pháp, vì lòng từ-bi thương kẻ khổ, nhân như vậy mới là đáng kính.

Nói tóm lại, nhân nhục mà không có phương pháp không có mục đích, vì hoàn-cảnh và địa-vị mà nhân thì khác nào như trâu ngựa kia bị người đánh đập, như thế nó cũng nhân nhục lắm, sao mà nó không được yên vui mà lúc nào nó cũng tỏ nỗi buồn rầu? Tôi đời bị sỉ vả đánh mắng, họ không dăm cãi lại chủ, như thế họ cũng nhân lắm, sao họ lại không được giải-thoát ? Vậy nhân nhục cần phải biết tin nghiệp-báo, phải vì lòng từ-bi, vì thương kẻ khổ muốn cứu-thê độ-sinh; vì quán cái thân này là giả-đối, thì cái nhục kia mới không sấm lấn vào thân tâm mình được.

Kết luận bài này chúng tôi xin rớt một lòng cảm tạ đức Thế-tôn, Ngái đã vì chúng ta mà phải chịu khổ sở

biết bao những cảnh nhục nhã đau đớn, nào tự cắt sừng mình làm bút viết, lấy da mình làm giấy, trích máu mình làm mực để cầu pháp tế-độ cho chúng-sinh; nào khi tu khổ hạnh ở núi Tuyết, ngày ăn một hạt vừng hạt gạo, dầu sương dãi nắng ròng rã sáu năm trời, ấy Ngài cũng chỉ vì lũ chúng ta mà phải chịu nóng rét đói khát, muỗi mòng trong rừng sâu, bồn phận chúng ta phải nên noi gương Phật tổ, dùng sức khỏe của nhữn-nhục mà phá tan cái thành sâu bề khổ này, rồi dắt dìu cùng nhau sang bờ giác, ấy là một cách báo đền ân-đức Phật của chúng ta vậy.

Nam-Mô Bản-sur Thích-Ca Mẫu-Ny Phật
Viên-Quang

PHẬT LUẬT HỌC

(Tiếp theo số 160)

Như trên các mạch chủ-dịch nói về *Chỉ-tri* nhưng *Tác-tri* cũng có tên chen vào một số ít ; dưới đây các mạch sắp nói theo, thì sẽ chuyên nói về phần *Tác-tri* nhiều nhất.

Các phép tri-thủ nhất nhất thụ-học đã có bề, bấy giờ liền mới quay về mà tính đến cái sự-nghiệp trong hàng ngày phải hành động. Sự-nghiệp của người xuất-gia đối việc phúc thiện nên làm như thế nào ?

Có một buổi kia, các vị Tỷ-khiêu đương cùng nhau ngồi bàn luận những nghĩa đạo-pháp, tinh linh Phật tới, vui vẻ Phật khen rằng :

Tốt lắm tốt lắm ! các ngươi đã đem lòng tin bằng đặng đi xuất-gia tu đạo, vậy những chỗ đáng làm, gồm có hai nghiệp ; một là, giảng Pháp như bậc hiền-thánh, hai là, im lặng cũng như hiền-thánh, ngay việc đương giảng bản đây, chính phải bắt

chước như vậy »,

Người tu hành tinh-tiến luôn tâm với đạo, gìn giữ thân miệng cho nên ít nói ít cười, không có huyền thuyên chuyện đùa nhảm nhí, mỗi khi có phải buông lời, chỉ toàn là những câu đạo-pháp có ích có nghĩa-lợi thì mới nói ; bằng không thì cứ yên lặng như ở, cách đó thực là hạnh-kiểm Hiền Thánh.

Một hôm Phật ở núi Kỳ sà-quạt thuộc thành La-duyet, cùng các đệ-tử thuyết-pháp Phật bảo ,

« Có bảy phép gọi là phép chẳng lui : 1. Xum họp nhau luôn mà giảng bàn nghĩa chính, 2. trên dưới đối với nhau, kính thuận êm hòa không trái đạo nghĩa, 3. vàng phép sớm hôm chẳng sai khuôn nếp, 4. nếu thấy vị nào có năng-lực bảo hộ cho chúng, hoặc nhiều người quen biết, thì chúng nên phải kính hầu, 5. giữ gìn lòng dạ thảo kính làm đầu 6. tu tròn nết phạm không theo vẻ dục, 7 người trước mình sau không tham danh lợi, nếu ai hay được mỗi điều như vậy, thì sẽ nhờ thuận hòa, giáo pháp cũng không thể hoại được vậy.

Lại có sáu phép nữa : thân thường làm lành không hại chúng-sinh, 2. miệng ngỏ nhân-tử không diễn lời rữ, ý nghĩ điều tốt không màng thêm bớt, 4 được mỗi lợi sạch cùng bạn bằng phần, 5, giữ giới hiền thánh không hề thiếu sót, cũng không như cấu, chắc chắn chẳng động. 6. gặp các hiền-thánh khỏi hết nỗi khổ »

Lại có bảy phép gọi là phép thêm lớn : 1. chỉ ưa ít việc không muốn làm nhiều, 2. hằng ưa vắng lặng không muốn nói lắm, 3. ngủ nghề bớt đi không có mê muội, 4. không từng đảng nhau làm nói sự vô ích, 5. chẳng tự khen hoài bởi mình đức rộng, 6, chẳng kết bè bạn với kẻ ác nhân, 7. mến ở một

minh chốn vắng rừng núi ! nếu ai hay làm được mỗi phép như thế, thì mầm đạo pháp ngày càng thêm lớn không có chút chi làm hao tổn vậy.

Lại có bảy phép nữa : 1. có lòng tin, tin rằng đấng Như-lai thực là một ngôi Chí-chân Chính-giác mười hiệu đều trọn đủ, 2. biết thẹn, thẹn mình còn có chỗ kém, 3. biết hổ, hổ người vì có nết xấu, 4. học rộng, điều nào đã được dưới trên đều giỏi, ý nghĩa sâu sắc trong sạch không như, nết phạm đầy đủ. 5. tinh cần khổ-hạnh dứt ác tu lành, chuyên tập không nhãng. 6. những chỗ đã học nhớ luôn chẳng quên 7. tu tập trí-tuệ biết pháp sinh diệt tới chốn Hiền-thánh nhờ sạch gốc khổ ».

« Lại có bảy phép nữa, là bảy nơi kính trọng : Phật, Pháp, Tăng, Giới, định, cha mẹ và nết quý không buông dồng »,

Một hôm Phật ở khu rừng tên gọi Thi-sá-bà, cùng các đệ tử thuyết pháp. Phật bảo ;

« Có bốn điều giáo-pháp lớn ; một là, chợt thấy có vị tỷ-khiêu nào, mà nói những lời như thế này hỏi các hiền-giả ! chính tôi được nghe câu pháp, câu luật, câu giáo-lý ấy do Phật nói cho, tại một thôn hay một hạt, một thành một nước kia vậy; thế thì những người nghe, cũng không nên không tin, mà cũng không nên hủy báng ngay, phải chiều nghĩa Kinh-luật để xét xem thực hư, y Luật y Pháp rồi cùng gốc ngọn ; nếu thấy câu nói ấy trái với Kinh Luật Pháp, thì sẽ bảo lại rằng: không phải, chắc là ông nhầm chữ Phật quyết không nói thế ? Sở dĩ rằng là, tôi đã cấu cừ y theo ở các Kinh Luật Pháp, thấy lời ông vừa nói đó chệch hẳn đi đằng nào; và này

Ông ơi ! Ông nên bỏ ngay những câu ấy đi, chớ giữ lại, chớ có bèo ai nữa. kẻo rồi sinh hại lớn đó; còn như nếu đúng, thì trái lại, phải khen là thực như lời. Phật dạy, nhớ giữ cho tốt, dạy người cho nhiều, đừng bỏ hoài đi mất vậy. Hai là, hoặc nói, do các bậc kỳ-cựu học nhiều ở trong Tăng nói cho. Ba là, hoặc nói, do một số Tông các vị tỷ-khieu, toàn người giữ pháp giữ luật giữ pháp tắc nói. Bốn là, hoặc nói, do có một vị giữ pháp-luật và pháp-tắc nói cho mà nghe vậy ».

Một giáo Phật ở bến sông Câu-tôn-hà, cùng các đệ-tử nó thuyết-pháp. Phật bảo :

« Các gã nhá-giòng, thường có bốn điều nghĩ nấy: một là nghĩ đến chỗ của Phật sinh, mà vui mừng muốn biết, ngay ngáy bên lòng những ước ao mẫn nhớ ; hai là, nghĩ đến chỗ Phật thoát đắc đạo ; ba là nghĩ đến chỗ Phật bắt đầu thuyết-pháp ; bốn là, nghĩ đến chỗ Phật vào Niết-bán, cũng đều khát ngưỡng như vậy cả. Phật lại nói tiếp : sau khi ta Niết-bán rồi sẽ có các gã con nhà giòng hoặc giai hoặc gái, nhớ nghĩ cả đến cái lúc Phật đản-sinh thì công-đức như thế nào, lúc Phật đắc-đạo thần-lực như thế nào, lúc mới thuyết-pháp độ người như thế nào, lúc tới cõi diệt-dối pháp như thế nào. đoạn liền tìm đến nơi, giáo quanh đi lễ ở các chỗ có thờ tự chùa chiền, thuộc những miền đó rồi, khi chết diều được sinh lên giới trừ người đã đắc đạo ».

Phật lại bảo ;

« Trong thiên-hạ có bốn thứ người, đáng được khỏi pháp, hoặc rồi đem những thứ hương hoa cờ lọng âm-nhạc cúng dâng mà thôi. 1. đức Như-lai 2.

ngôi Phật Tích-chi, 3. ngôi Făng Thánh-văn, 4. ngôi vua Thánh Chuyển-luân vậy ».

Một kỳ Phật ở trong vườn của Am-bà-bà-lê, thuộc nước Tỳ-sá-ly, cùng các đệ-tử thuyết-pháp; có bọn Lê-xa đến cầu thỉnh, Phật bảo:

« Ở đời có năm thứ bùa rất là khó được : một lá, đức Như-lai Chí-chân xuất-hiện ra đời, hai lá, chính Pháp của ngài hay diễn nói được ; ba lá, Pháp của ngài diễn hay tin hiểu được ; bốn lá, theo đó mà làm hay nên tới được ; năm lá, gặp nguy cứu cho biết báo đền lại ».

Chữ-tri là chính-vụ tiến lên được chừng nào, thì lại đem kèm luôn các việc pháp là trợ-đạo *Tác-tri* làm (tr-luong) đề nâng đỡ theo liền đến đấy, cho hành-nghiệp khỏi bị trễ trảng mà lùi tụt đi mất ; khi đã đứng được vững chắc chân, lại phải gia công hăng hái, tìm cách bốn tưới sỏi vun mà bồi-bổ cho mầm đạo-pháp được toại thành chóng vánh vậy ;

Phỏng thấy có người nói đạo, bắt luận câu gì hay giữ nếu là nội-giáo mà lại dẫn chứng kinh lời Phật Thánh, thì cũng hũy nên tin nhưng trong cái tin ấy phải nên xét, vì đã chắc gì sự đó nói thực hay nói sảng, hiểu đúng hay hiểu lẫn, nếu không suy kỹ cứ nhầm mất tin liêu, nhờ có sai nhầm thành ra say mê tà-kiến, mà chẳng nghĩ ngợi nông nổi gạt phăng đi, ngộ nó phải ra thành thử có lỗi, là lỗi mạn Pháp khi Phật khinh Tạng, và lại thiệt thòi với pháp đó nữa,

Chúng đã tinh tươm các điều Pháp-lợi, tức khắc phải nghĩ ngay đến thầy bạn về một việc báo ơn ; nhận có thầy tốt bạn lành đem câu đạo-pháp tiếp dắt chỉ bày, nên mới được mở mang tỉnh ngộ biết lỗi mà tu ; lần lượt rồi lên đến cùng; ngôi Giáo-chủ thầy ta là đức « Ngã-Phật, Tam-giới sư » vậy, bởi có Phật thị hiện ra đời để hóa độ mới có giáo-pháp, có pháp mới có Tạng, có các thầy bạn Thiện-đạo tri-thức của ta, vì thế mà ơn nghĩa khôn lường của Phật, mỗi cảm động muốn báo đáp ngày đêm cứ ấp ở bên lòng canh cánh ! đây bầu dạ lúc nào cũng chứa chan đều nhớ mền bốn cái công-đức rất lớn lao, đáng ghi khắc tận xương tủy, đáng xâ-thân ra mà đền giả thờ phụng bao đời Phật kia :

(Còn nữa)

Phật-học với sự thực-tê

(Tiếp theo số 160)

Đối với hạng người thật cao, và hạng phú gia, về bấy giờ, thành người tu hành là một việc rất bình-dĩ và lại làm thường là đáng khạc, trước khi người chủ một gia-đình chết, thì bắt buộc phải có sự tự do hành-dộng hoặc về phương-diện chính-trị, hoặc kinh-tế hay sinh-dục : vì vậy mới có tục hôn-thủ sớm. Sự không-cộng-tác với sự sinh-sản hay sự giữ gìn sự đương sinh-sản, về thời ấy, hẳn người ta cho là những việc luân-lý. Cho nên đời tu hành là đời đáng trọng, và thường nó lại là một đời chắc chắn nữa. Ngài Gautama Siddhartha của chúng ta cũng đi ở trong con đường ấy, với một cách tự-nhiên. Về thời, chúng ta phải tránh xa mọi chuyện bịa đặt thêm, và chớ nên coi những chứng cứ nó làm cho ngài phải đi tu, dưới một cái góc quá đặc-biệt : ngài thank-niên Gautama không có tưởng tượng đến rằng sự ăn dật của ngài nó sẽ có nhiều kết quả như vậy, và giáo pháp của ngài được rực rỡ tuyên-dương, đến mãi ngày nay. Hơn nữa ta nên biết rằng, một khi đã tuyên ra nước ngoài và giáo-hóa được những người xứ ấy, thì họ lại có một quan niệm riêng đối với đời tu hành nên họ lại bịa đặt thêm những chứng cứ mà nó đã đẩy Phật phải đi tu. Theo như tục truyền ngài đã sinh vào một gia-đình vua chúa, có người lại hỏi bằng một cách tò mò cái lý mà vì sao ngài lại bỏ ngôi vua. Song lẽ, ở Ấn-độ, sự ăn dật của vua chúa hẳn đời tu hành không phải là hiếm, và chứng cứ của sự ăn-dật ấy thường không có gì là kỳ cho lắm. Dù sao mặc lòng, ta cũng chớ nên sơ xuất những cái hững-cảm riêng của ngài Gautama, và tội tưởng ban lầm về đoạn này cũng là vô ích.

Tôi sẽ bàn qua về đời của ngài, về lúc ngài là cha của gia-đình, vì lúc đó hẳn nó cũng có dấu khuất một vài lý do kín của cái đời ăn dật của ngài, có lẽ vì cha ngài lấy người vợ hai, bà Gautami. Cái tên này không

phải là cái lên riêng, nhưng là một cái lên trên từ nước lớn, chung cho tất cả những nhĩng người ở ngoài giòng cakya, vì ngay ngài cũng gọi là Gautama. Tóm lại người ở thứ hai này, bà Gautami, đối với ngài chỉ là một người di giẻ mà thôi ; và bà cũng có với cha ngài Siddharta một người con. Phật là người đẻ cầm-đông và hay tư-tư, thì người cha đã già này với cái giẻ định phĩên-phĩc này, đối với ngài không phải là một điều tốt đẹp. Ngoài sự phĩên-phĩc của gia-đĩnh này, lại còn một cơ rất quan trọng nữa nó đã xảy ra ở xung quang ngài: cái số-phận của chúng tộc của ngài, và cái số-phận của xứ quê hương của ngài, thành Kapilavastu. Lúc sinh thời ngài, cái nước nhỏ siũ của ngài với cái diện-tĩch chừng ba nghìn dặm, bị sãm lấn bởi nước Kosala, một nước bên cạnh to hơn, ở về phía tây ; trong khi ấy thì việc chính-trĩ của nước ngài bị đối-loạn. Vậy thì, ta có thể dễ dàng mà tưởng-tượng được rằng, khi ngài tìm sự ăn-dật thì nước ngài đã trải qua một thời kỳ khĩng-hoảng, và những việc thể-lương đang lan rộng.

Nếu ta lược qua cái bản-dồ chính - trị của thời bấy giờ, thì ta thấy ngay ở phía tây có nước Kosala, ở phía Đông-nam có nước Magadha, sen vào hai nước ấy có bảy hay tám nước nhỏ, chính thể thời thiên về chế độ dân quyền. Chúng tộc cakya lập thành một trong những nước nhỏ này. Vậy thì có hai chế độ : một đảng thì dân quyền có những người quý tộc cầm đầu, một đảng thì độc-đản, cốt nhiên là cái chế-độ sau này rất được hoan nghĩnh và thịnh-vượng cả về phương diện chính-trĩ lẫn kinh-lĩ bấy giờ, lúc ngài bắt đầu đi ăn-dật, xứ quê-hương của ngài chỉ có một cái lực lượng rất yếu đuối nên chỉ giữ được có những 50 năm sau nữa thôi. Đến đây, tôi muốn độc-gĩa của tôi sẽ tưởng-tượng đến cái cảnh-lương buồn thảm của những người xung quang Phật của gia-đĩnh Phật của thành quách của Phật, của xứ-sở của Phật mà ngài phải rũ bỏ. Thật vậy, trong cái tâm đĩ cảm động của ngài đã lược được cả cái chân-lĩ của thời đại

ấy, Song le ta cũng không thể đoán được những chứng cứ chắc chắn của sự ăn dật của ngài, những cái cảm-trưởng riêng, những sự xúc động đặc-biệt đã lam đau lòng ngài Gautama khi ngài phải ngậm thõng những cảnh-tượng này. Nhưng tôi cần cũng phải nói rằng những chứng cứ này không có một sự đại-quan-trọng cho toàn-thể Đạo-Phật.

Sau khi bỏ nhà đi tu, theo như phong-tục. Phật cũng sống một đời của khổ trong sáu năm, có lẽ bây giờ ngài bị ảnh-hưởng hĩa cái tôn chỉ của phái Jainisme, vì tôn chỉ ấy có những cái triết-lij, bài căn khổ của ngài gọi là « Madhyamapratipad » và nó lại xưng với cái tinh-cách « thực-hành » của Đạo-Phật. Tôn chỉ của Phật bị ngài Devadatta bài-xích, cho rằng rộng quá và tự-do quá, và đư luận công-chúng thường kết án cái chủ nghĩa rộng rãi tự do này ; thí dụ như đư- luận không công nhận cho ngài được ăn cá, và ngài ở trong một cái nha của Phật-li. Đây ta cũng cần phải biết thêm rằng ở các nước ngoài người ta thường chách đạo Phật về cái tinh cách tu hành chỉ trong cái tinh thần của nó và cái tôn chỉ của nó đã sao nhãng những tinh-tinh loài người, mà bây giờ ở Ấn-đó, người ta cho rằng phép tu-hành ấy như vậy cũng chưa đủ ; thí việc này chẳng đủ cái nghĩa rõ ràng rằng cái tôn chỉ Madhyamapratipad của Phật có một nghĩa lý xâu xa trong xã-hội ấn-độ hay sao ? cái tôn chỉ Madhyamapratipad, không phải là một việc theo đúng khuôn phép và tuyệt-đối, cần phải hiểu và thực-hành từ, theo từng thời-đại, từng xứ-sở. Vậy thì Madhyamapratipad nghĩa là gì ? nghĩa là ta phải hòa hợp cái đời thực-hành với cái lý-tưởng cao-thượng, để mà tìm lấy sự hòa-hợp của hai thái-cực. Một hôm, một vị đư-đệ hỏi ngài Honen (người sáng lập ra tôn Tịnh-độ) rằng : « Muốn sinh sang nước Phật; có nên ăn cá hay không ? » Ngài Honen trả lời rằng : « Được sinh sang nước Phật không phải là tùy ở sự ăn hay không ăn » câu trả lời này chẳng đủ tỏ hết cách tư-tưởng của chủ Madhyamapratipad một

cách khéo léo đó sao? Đối với người Phật-tử biết thực hành, ăn cá hay không, không can hệ lắm, là điều phụ; lời nói của ngài Honen là một ví chách cứ trực-tiếp và thẳng thắn cho một dư-luận chỉ biết căn cứ vào những tư tưởng mâu-thuẫn và trái ngược vô-ích, lời nói ấy chỗ đường đến chỗ thực-hành, cho nên Madhyamapralipad không có cái hình-thể tôn chỉ nhất-định, nó chỉ là một phép tính cần dùng để chỉ con đường lý-tưởng của cái đời thực-hành, và nó là một cái kim chỉ nam cho những kẻ lạc đường.

Sau một đời cần khổ, sau một thời kỳ tu-hành chỉ trong cái tinh thần Phật đã cho ta biết cái nghĩa của những sự suy xét của ngài, và sau cùng sự « giác-ngộ » của ngài. Nhưng cái đời cần-khổ của ngài chỉ là một trong những lớp thay đổi triết-học của ngài, mà về phương diện tôn-chỉ nhà Phật nó không có giá trị là mấy. Có người nói rằng Phật phải tu-hành cần-khổ và theo có con đường tinh thần như vậy, mục đích là cốt để cứu vớt loài người và ngài hy sinh để nhận lấy những nỗi khổ về sắc-thị, mà bảo tồn cho loài người. Một sự phán đoán như vậy chỉ có thể thi-hành cho đạo-Phật nếu ta quan sát ở dưới một cái góc thật tôn-giáo; đạo-Phật chân chính, căn cứ vào những việc lịch sử, thì khác hẳn, Ngài Gautama người chỉ theo ở phong tục lúc ngài bắt đầu đi tu thôi;

(còn nữa)

Nghiêm-văn-Hội

MỚI CÓ

Trì giới ba la mật

GIÁ

0\$20

CƯỚC NGOÀI

Tôi tu Tịnh - độ

(Tiếp theo số 160)

Chẳng qua chỉ vì tham mùi thịt ngon, tham mùi thịt để bỏ dưỡng thân thể mình; vì hai cơ mà thành ra tham nghiệp. Trông thấy giống nào độc dữ, liền căm tức nó có hại đến mình, mới thành ra sân nghiệp. Một sự trộm cắp thì hoàn toàn là tham-nghiệp cả. Về sự tà-dâm lại chia ra làm hai thứ; một thứ là tham cái sắc đẹp của người ta, ấy là tham-nghiệp, hai là không hiểu lẽ gì, cứ làm bậy làm bạ, ấy là si-nghiệp. Nói đến duyên có điều giới nói sâng thì lại có nhiều cái tệ; hoặc là phát câu chữi mắng người bừa, ấy là sân-nghiệp; Hoặc là vì tham cái gì sinh ra lòng dối, ấy là tham-nghiệp; Hoặc là chẳng hiểu lẽ gì, cứ nói mù nói hão, ấy là si-nghiệp. Vì thế cho nên nói rằng hễ phạm các điều sát-sinh, trộm cắp, tà-dâm và nói sâng ở trong năm điều răn, tức là đã phạm vào ba loài ý-nghiệp, tham, sân, si, trong mười ác-nghiệp rồi. Nói về cái hại rượu, nó làm mê hoặc tinh-tinh người dễ lắm. Người uống rượu vào, liền lơ mờ điên-đảo, thành ngay ra cái nguyên-nhân si-nghiệp. Khi uống rượu vào, chữi càn chữi bậy, ấy là thành nguyên nhân sân-nghiệp. Khi uống rượu vào, vì rượu hưng lên, động lòng tham tài tham sắc, ấy là thành nguyên nhân tham-nghiệp. Trong năm điều răn, cứ một điều uống rượu cũng đã hoàn - toàn phạm vào ba loài ý-nghiệp trong mười ác-nghiệp rồi. Thế cho nên tôi nói rằng hễ giữ được năm điều răn, tức là được như bậc tu được mười thiện-nghiệp vậy. Tôi nói thế, chắc anh em chị em cũng hiểu rõ rồi. Nhưng tôi lại phải nhắc lại cho các anh em chị em nhớ kỹ rằng chỉ biết tu mười thiện-nghiệp mà không hiểu phép niệm Phật để cầu sang Tây-phương Cực-lạc thì không thể vượt ra hạ cõi được. Nói tóm lại mười thiện-nghiệp cũng cần phải tu, mà năm điều răn cũng cần phải giữ, nhất là cái lòng cầu nguyện sinh sang cõi Tây-phương lại càng cần phải có lắm nữa.

Trên kia tôi nói về ba cõi, chắc anh em chị em chưa hiểu rõ, nay tôi lại kể rõ cho các anh em chị em nghe. Ba cõi là gì? 1. Cõi-dục 欲界, 2. Cõi sắc 色界, 3. cõi vô-sắc 無色界. Kể từ tầng bát nhất A-tì-địa-ngục giở lên cho tới cõi đời ta ở, lại sắp lên tới Tứ-vương-thiên 四王天, Đạo-lợi-thiên 刀剎天 (ấy là là tầng giới thứ hai, vị chúa tể cả trên giới là Ngọc-hoàng-dại-dế 玉皇大帝) Dạ-ma-thiên 夜摩天, Đâu-xuất-thiên 兜率天, Hóa-lạc-thiên 化樂天, Tha-hóa-tư-tại-thiên 他化自在天 đều gọi là cõi dục 欲界 vì rằng những người ở trong cõi ấy đều là có tình-dục giai gái, hóa cho nên gọi là cõi dục. Lại kể từ cõi dục sắp lên nữa, gọi là Tứ-thuyền-thiên 四禪天, tức là cõi sắc 色界, cộng tất cả có 18 tầng giới là: Phạm-chúng-thiên 梵眾天, Phạm-phụ-thiên 梵輔天, Đại-phạm-thiên 大梵天, ba tầng ấy gọi là Sơ-thuyền-tam-thiên 初禪三天. Thiệu-quang-thiên 少光天, Vô-lượng-quang-thiên 無量光天, Quang-âm-thiên 光音天, ba tầng ấy gọi là Nhị-thuyền-tam-thiên 二禪三天. Thiệu-tịnh-thiên 少淨天, Biển-tịnh-thiên 徧天, lượng-tịnh-thiên 無量 - - . ba tầng ấy gọi là Tam-Vô-thuyền-tam-thiên. Phúc-sinh-thiên 福生-, Phúc-ái-thiên 愛-, Quảng-quả-thiên 廣果-, Vô-lưỡng-thiên 無-, Vô-phiền-thiên 煩-, Vô-nhiệt-thiên 熱-, Thiện-kiến-thiên 善見-, Thiện-hiện-thiên 現-, Sắc-cửu-cánh-thiên 色究竟-, chín tầng ấy gọi là Tứ-thuyền-cửu-thiên 四-九-. Những người được sinh vào 18 tầng ấy, đều là bực đã có công tu-hành thuyên-định (1) cả. Những người ở trong 18 tầng trời ấy đều chỉ có hình sắc mà không có dâm-dục và thuần là đàn ông cả, chứ không có đàn bà. Chỉ vì những người ấy chỉ có sắc-thần nên gọi là sắc-giới. Lại kể từ cõi sắc-giới ấy

1. — Thuyên-định : Dụng tâm nghĩ lấy một cái đạo-lý nhất định để tu cái tâm của mình khiến cho tâm mình chỉ chuyên nghĩ vào cái đạo-ý ấy, không có cái gì lẫn được, ấy là cái phép định tâm nhất định không gì hơn. Sơ-thuyền, nhị-thuyền, tam-thuyền, tứ-thuyền, cao thấp khác nhau cứ coi ở cái công phu ấy mà định.

kể sắp lên, lại có bốn tầng giới nữa gọi là Không-vô-biên thiên 空 - - -, Thức-vô-biên-thiên 識 - - -, Vô-sở-hữu-thiên 所有天, Phi-tưởng-phi-nhi-tưởng-thiên cũng gọi là Phi-phi-tưởng-thiên 非 - 想 ; những người ở trong bốn tầng giới ấy không có sắc mà cũng không có hình gì cả, cho nên mới gọi là cõi vô-sắc - 色界 . Ấy ba cõi ấy, tổng cộng là 28 tầng giới , mà đều gọi là cõi giới . Những người mà sinh ở trên 28 tầng giới ấy đều là hóa sinh cả (ví dụ người nào tu được thành công sinh sang cõi Tây-phương Cực-lạc thì đều ở trong hoa sen sinh ra, thế gọi là hóa-sinh) không như mọi người trên cõi đời ta, đều do cha mẹ sinh ra, thế nào cũng chỉ quanh trong ba cõi, chứ so với phần sinh sang cõi Tây-phương Cực-lạc còn kém xa lắm lắm kia.

Có một hạng người nông nổi quá, nói rằng như kẻ phạm-phu mình đây, ví với các người trong cõi giới còn kém, mong đâu được tới cõi Tây-phương. Chúng mình niệm Phật chẳng qua chỉ bớt chút tội lỗi, tương-lai xuống chốn âm-ty, không đến nỗi khổ lắm mà thôi. Những người tưởng thế là sai lắm! Đức Thích-ca mâu-ny, chỉ vì thương xót chúng ta bị đầy dọa ở cõi đời này, nên mới mở lòng từ bi, dạy bảo chúng ta, chỉ dẫn chúng ta một cách tu tới cõi cực-lạc rất phương-tiện, rất dễ dàng, để cho chúng ta được thoát khỏi cái cõi đời rất khổ não mà tới cõi Tây-phương Cực-lạc cả.

Các anh em chị em thử nghĩ kỹ xem đức A-di-dà-Phật và đức Thích-ca Mâu-ny có bao giờ lừa dối chúng ta không ? Các anh em chị em cứ theo phép ấy mà tu, thì tất là thành công, chẳng bao giờ hỏng. Chỉ cốt rằng đã tu thì phải lập lấy một cái chủ-ý nhất định, rồi một lòng một ý, kỳ cho tới cõi Tây-phương, đừng có nghi hoặc một mảy may nào. Nếu còn nghi hoặc một mảy may nào thì không rớt một lòng một ý, không rớt một lòng một ý thì không thể tu thành công được. Chúng ta không nên tưởng rằng, trước ta đã có tội thì dù tu cũng

e không tới Tây-phương được, chỉ nên tin rằng dù có tội nữa, nhưng ta đã quyết chí sám-hối chằm chằm niệm Phật thì bao nhiêu tội tiêu-tan hết. Song chúng ta lại phải hiểu rằng đã biết hối lỗi, đem mình nương bóng Phật thì phải hết sức trừ bỏ tội lỗi, mới có thể giải thoát được các tội tình; nếu trái thế, cứ từng tí làm sáng, cho rằng đã có cách niệm Phật để giải thoát tội, thế thì tội lại càng nặng lắm « Bao nhiêu tội lỗi xưa kia niệm Phật là tiêu tan hết » ấy là tấm lòng từ-bi của Phật, trông thấy chúng ta đã thành tâm niệm Phật, sám-hối lỗi xưa, nhất định thảng lỗi Bồ-đề, không dám làm nên tội nữa, cho nên đức A-di-dà-Phật mới dùng cái tri-luệ vô biên, cái phúc đức vô cùng, oai-lực vô-thượng, thần-thông tuyệt cao để giải-thoát cái lỗi xưa cho chúng ta. Chứ chúng ta mà tưởng nhầm rằng cứ làm sáng rồi ta niệm Phật cũng sạch tội, dễ lòng như thế, chỉ càng thêm tội mà thôi; cái lẽ ấy, chúng ta phải hiểu cho thấu mới được. Người nông-nổi ấy lại hỏi tôi rằng: « Lấy gì làm chứng cho đích rằng dù kẻ phạm phu cũng có thể tu sang cõi cực-lạc được ? » Thưa rằng: phát một lòng thành niệm Phật, sám-hối, hết sức làm thiện; hết sức làm thiện thì còn đâu là tội; không có tội thì tất nhiên không bị luân-hồi, ấy là cái lý tất-nhiên. Và lại xét xem các sự dĩ-vãng, trong tập vãng-sinh 往生 có chép rất nhiều sự tích các hạng người thường vì chân-tâm tu-hành mà được sang cõi Cực-lạc. Không những các người thường được thế mà thôi, lại còn có chuyện một con vẹt và con vẹt, chỉ ngày ngày học theo người nhà niệm Phật, sau đều được sinh sang cõi Cực-lạc cả. Ta xem đó thì biết chim còn được thế, huống chi chúng ta là con người ư. Lại còn một lẽ nữa, chúng ta tuy là kẻ phạm-phu, nhưng cái tâm-tính của chúng ta cũng như tâm-tính Phật; sở dĩ ta là bọn phạm-phu; chưa được thành Phật, là vì cái kiếp trước của ta đời đời làm ác; tội ác càng nhiều, cái tâm-tính cũng càng mê-mẩn tệ, cho nên chỉ là một kẻ phạm-

phụ mất hết tính Phật mà xa cách cõi Phật vậy.

Nay tôi khuyên các anh em chị em niệm Phật là cốt để tiêu trừ tội ác trước và dần dần khôi phục cái tính Phật của ta lại. Trừ các cái mê lầm đi, ta sẽ dần dần thấy rõ tính cũ của ta, tức là lại có tính Phật vậy.

(Còn nữa)

VĂN UYÊN

PHẢI TU THÂN

Đời sao đời quá nuông thân !

Gây bao ác nghiệp trầm luân đọa đày.

Đường đời lán lộn tháng ngày,

Làm than vì chiếc thân này biết chẳng ?

Sao không suy sết cho cùng :

Thân là quả khổ vun giồng làm chi

Bởi ta mê muội, sập, si,

Theo ma dục vọng mà đi đường lá.

Bèn không biết lối về nhà,

Luân hồi sáu ngã bơ vơ bốn loài

Cho nên mới có thân này,

Đó là khí huyết con người sinh ra.

Đó là tứ-đại giả - hòa,

Lại thêm thân bệnh, thân già, lang thương!

Tanh hói, bần thiêu đủ đường.

Mang thân chịu khổ vô lượng trần lao.
 Thân như thể đời sao chẳng mền ?
 Vẫn lớn thờ, âu yếm cái thân !
 Bữa mai từ già cõi trần,
 Chiếc thân giả dối còn phần nào không ?
 Hay là hồn phách lỏng bóng,
 Chối theo sóng nghiệp chắt trồng kiếp xưa.
 Trong vòng sinh tử bơ vơ,
 Trăm luân biết đến bao giờ cho qua.
 Trời ơi ! đời hãy lĩnh ra,
 Mau may theo bóng Phật Đà mà đi.
 Trì ngũ giới, thụ lam quy,
 Quyết lòng bỏ ác mà đi đường lành.
 Gột sạch ba nghiệp của mình,
 Theo mười điều thiện làm lành, làm nhân.
 Tâm-trai rữ sạch lụy trần,
 Tinh linh loàn thiện, thánh thần khác chi.
 Gắng công linh liến tu trì,
 Trì sạch cõi dễ tham, si, nã, phiền.
 Từ - hoẵng, lục-dộ thường chuyên,
 Giàu lòng bác-ái, sãn-niêm từ bi.
 Phúc tuệ vẹn cả hai bề
 Pháp thân chứng quả bồ đề thành thời.
 Biết đạo thời vui !

TÌNH-THẾ

Cõi đời là cõi trăm luân

Khuyên ai chớ vội chen chân bước vào

Sợ khi sóng gió bà dào

Tay không sào lái biết bao hãi hùng

Trời cao bề rộng mệnh mỏng

Đâu là bờ giác mà mong trở về

Vì ham theo thú kinh nghệ

Từ xưa lạc bước đường mê mải rồi

Cuộc đời chán lắm ai ơi

Nếu không giữ trước nữa rồi họa sau

Phải nên trở gót mau mau

Trông gương trí tuệ chùi lau lòng trần

Chớ chờ khi nước đến chặn

Phải nên liệu trước kẻo thân chóng già

Nhớ câu thế giới không-hoa

Nhơn sanh mộng huyễn đó mà làm gương

kiếp người là kiếp vô thường

Sớm còn tối mất chẳng nhường ai đâu

Người đời há dặng bao lâu

Trắng răng phứt dĩa bạc đầu như chơi

Tiền đây xin giải ít lợi

Chúng ta nên phải lánh nơi bụi hồng

Hanh Quang

Chùa Trà phủ HUẾ

PHƯƠNG DANH CÁC VỊ CÔNG ĐỨC CÙNG
TIỀN LÀM CHÙA HỘI QUÁN
TRUNG - ƯƠNG

Ở xã Ro-nha, (An-dương, Kiến-an)

Nguyễn đình Trục	1\$90
Rủ-quang-Hiệu	1.00
Đỗ-Lua, Đỗ-Tĩnh	1.00
Nguyễn-thị-Tuyết	1.00
Tin-Lão	3.00
Phạm-van-Ghiêm	2.00
Nguyễn-thị-Tĩnh, thi Kê	1.00
Vũ-van-Khương	1.00
Vũ-Lâm Trần-Độ	1.00
Nguyễn thị-Nụ	1.00
Vũ-vân Nguyễn	1.00
Nguyễn-Tý	1.00
Đỗ-Kỵ Nguyễn-Giản	1.00
Mai-Hằng	1.00
Mai Tác	1.00
Nguyễn-Hảo	1.00
Mai-thị-Cầm, thi hý	1.00
Nguyễn-dình-Hà	1.00
Đương-Mỹ Tế-sinh	1.00
Mai-trung-Vưu	1.00
Trần-thế-Nguyên	2.00
Nguyễn-ngọc-Thềm	2.00
Nguyễn-ngọc-Nhiêm	1.00
Nguyễn-dình-Sao	1.00
Nguyễn-dình-Đài, Nguyễn-Nhuận	1.00
Lê-Kiểm	1.00
Nguyễn Hoãn, Hồ-văn	2.00
Nguyễn-thị-Trịnh	1.00
Nguyễn-tại-Túc	1.00
Nguyễn-Đánh, Mai-Mái, Lê-Nhuế	2.00
Nguyễn-thị-Mùi	1.00

Mai Quyên	1.00
Nguyễn thị Đạt	2.00
Nguyễn thị Ngọc	1.00
Bùi hữu Hàm	1.00
Dương Thế, Phạm thị Ương	1.00
Nguyễn thị Thâm	1.00
Nguyễn đình Súc	1.00
Lâm Nhiên	1.00
Nguyễn Chứng, Nguyễn Trích	1.00
Chu thị Kính	2.00
Nguyễn Thịnh, thị Đầy	1.00
Nguyễn văn Vinh	4.00
Nguyễn đình Trang	1.00
Nguyễn Ruận, Nguyễn Tấn	1.00
Nguyễn thị San	1.00
Tiêu văn Phùng	1.00
Tiêu thị Phúc	1.00
Nguyễn văn Tỉnh	1.00
Đỗ Tuấn, Nguyễn Quảng	1.00
Nguyễn Liên	1.00
Mai cương	1.00
Nguyễn thị Nhâm	1.00
Nguyễn đình Phúc	1.00
Lê thị Ghê, thị Cáp	1.00
Nguyễn thị Đặng, thị Chi	1.00
Nguyễn Sỹ, thị món	1.00
Thị Thôi, Nguyễn Thê	1.00
Nguyễn thị Căn	1.00
Thị Ngừ, thị Lự	1.00
Mai Kiểm, Nguyễn Nhị	1.00
Nguyễn Cò	1.00
Mai Cung	1.00
Mai Nguyên	3.00
Mai Vĩnh	1.00
Nguyễn Tái, thị Mùi	1.00
Mai Riêm	3.00
Lê thị Đĩnh	1.00
Nguyễn thị Chặt, thị Đước	1.00
Nguyễn thị Phúc	2.00

HỘP THO

(Phương danh các vị đã trả tiền báo bằng Mandats)

MM Trần văn Trọng Phnom Penh	3\$00
Lại đưc Thông, Thái-nguyên	1.50
Thích minh Nguyệt, Mỹ-tho	1.50
Lý văn Khuảnh Thủ-dầu-một	1.50
Trần Nga Cần-thơ	3.00
Huyền ngọc Kỳ Pnom-Penh	3.00
Mme Trần kim Chi Phnom Penh	2.00

Hán-việt đại tự-diễn

Quý danh các vị đã đặt tiền :

Mme Hai-Ngỡi Cai tàu hạ 035884-003 (ba bộ)	21\$00
Song quý Hanoi	8.00
MM Lê-lấn-Đạt 035852-092	8.00
— Lại đưc Thông 036462-039	8.00
— Chy đăm Anh 036459-007	8.00
— Lê văn Điền 035948-110	8.00
— Nguyễn huy Mai Hà-dông	5.00
— Thanh Tiến Cao Phong	7.00
— Tâm Hanoi	7.00
— Thanh Thu Hanam	8.00
— Đỗ mai Phúc Vientiane	7.00
— Chủ tri Linh đường	8.00

Từ nay không nhận tiền Đặt nữa

Đóng kỹ là đóng bì Carton

Đóng thường là đóng bì mỏng.

D. T.